

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày 23 - 5 - 2023
“Về việc Tranh chấp hợp đồng vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Ông Kiên Ngọc Trương

- Thư ký - phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 362/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Chung Thị L**, sinh ngày 29/4/1962.

Địa chỉ: Ấp A, khóm B, phường C, thành phố TV, tỉnh TV. Người đại diện hợp pháp của bà Chung Thị L: Bà Thạch Thị Kim N, sinh năm 1982; Nơi cư trú: khóm D, phường F, thành phố TV, tỉnh TV. (theo văn bản ủy quyền ngày 15/11/2022 - có mặt).

Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 18, khóm V, phường N, thành phố T, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Thạch Thị Kim N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào năm 2012 bà Chung Thị L có cho ông Huỳnh Văn H mượn số tiền 190.000.000đ, ông H nói với bà L mục đích mượn tiền là để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ông H cam kết sẽ trả cho bà L trong vòng 01 năm cả vốn gốc và lãi suất. lãi thỏa thuận là 2.500.000đ/tháng nhưng trong quá trình vay, ông H không trả vốn gốc và lãi cho bà L. Bà L nhiều lần gặp ông H để đòi tiền nhưng ông H vẫn không trả. Đến ngày 14/5/2015 ông Huỳnh Văn H viết tờ cam kết trả nợ, xác nhận tổng số tiền nợ là

243.500.000đ và cam kết trả hết nợ gốc và lãi vào ngày 25/6/2015 nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay, bà Chung Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Lợi số tiền gốc 190.000.000đ và lãi tạm tính đến ngày 30/6/2022 là 325.648.000đ. Đồng thời, yêu cầu ông H phải trả lãi tiếp theo từ ngày 01/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 11 tháng x 2.500.000đ = 27.500.000đ.

Ông Huỳnh Văn H là bị đơn trình bày tại bản tự khai ngày 16/3/2023: Ông xác nhận có mượn của bà Chung Thị L số tiền 190.000.000đ do không có khả năng trả, đến ngày 14/5/2015 ông có viết tờ cam kết chốt phần nợ phải trả cả gốc và lãi cho bà L tổng số tiền là 243.500.000đ. Nay, ông chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 243.500.000đ và ông H có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến:

+ *Về tố tụng:* Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn có đơn xin vắng mặt, nguyên đơn chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ *Về nội dung:* Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho nguyên đơn số tiền 243.500.000đ theo tờ cam kết; đối với yêu cầu về lãi suất của bà L đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị buộc ông H phải có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật; miễn án phí cho bà L do bà L là người trên 60 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật Tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo đơn khởi kiện bà Chung Thị L khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn H phải trả cho bà số tiền 515.648.000 (trong đó tiền gốc là 190.000.000đ và lãi là 325.648.000đ) và yêu cầu ông H tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 01/7/2022 cho đến khi vụ án kết thúc. Theo thông báo thụ lý số 362/2022/TLST-DS ngày 07/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay*” là chưa chính xác. Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật có tranh chấp của vụ án này là “*Đòi lại tài sản*” theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Huỳnh Văn H có nơi cư trú Ấp 18, khóm V, phường

N, thành phố T, tỉnh TV nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hiệu khởi kiện*: Ông H có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện nên đối với tranh chấp hợp đồng vay là hết thời hiệu khởi kiện, chỉ còn thời hiệu khởi kiện về “*tranh chấp đòi lại tài sản*” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh*: Trong vụ án này, Tòa án có xác minh thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa*:

+ Nguyên đơn ủy quyền cho bà Thạch Thị Kim N đại diện tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền ngày 15/11/2022. Xét, việc ủy quyền của nguyên đơn phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Quan hệ vay tiền giữa bà Chung Thị L với ông Huỳnh Văn H là quan hệ vay tiền có lập thành văn bản là “*Tờ cam kết trả nợ*” ngày 14/5/2015, có ghi tổng số tiền ông H còn nợ bà Lợi là 243.500.000đ do bà L cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo nội dung tờ cam kết này, thì ông H cam kết sẽ trả đủ tiền gốc và lãi cho bà L vào ngày 25/6/2015.

Xét thấy, việc bà L yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 515.648.000đ (trong đó, vốn gốc 190.000.000đ, lãi tính từ ngày 14/5/2015 đến ngày 30/6/2022 là 325.648.000đ) và yêu cầu ông H phải trả số tiền lãi tiếp theo cho bà từ ngày 01/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 11 tháng x 2.500.000đ = 27.500.000đ là có căn cứ chấp nhận một phần đối với số tiền là 243.500.000đ theo tờ cam kết ngày 14/5/2015. Bởi lẽ, từ số tiền vay gốc ban đầu chỉ có 190.000.000đ vào năm 2012 cho đến ngày 14/5/2015 (ngày viết tờ cam kết) là ông H đã đóng lãi cho bà với mức lãi suất 2.500.000đ/tháng. Đến ngày 14/5/2015 giữa bà L và ông H chốt nợ lại là ông H còn thiếu bà L tổng cộng số tiền gốc và lãi là 243.500.000đ và thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 25/6/2015. Trường hợp này được xem là hai bên đã xác định lại số tiền nợ còn thiếu và thời hạn trả nợ là ngày 25/6/2015 nhưng ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L. Như vậy, *ngày mà bà L biết hoặc buộc phải biết* ông H xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà là ngày 25/6/2015, trong thời hạn 03 năm kể từ ngày 25/6/2015 đến ngày 25/6/2018 thì bà L có quyền khởi kiện yêu cầu ông H trả vốn gốc và lãi cho bà tức là “*tranh chấp hợp đồng vay*” theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 “*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa giải quyết tranh*

chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm” nhưng trong khoản thời gian đó bà L không khởi kiện yêu cầu ông H trả vốn gốc và lãi cho bà, đến ngày 04/8/2022 bà mới khởi kiện nên yêu cầu khởi kiện về lãi suất của bà L là hết thời hiệu. Do đó, bà L chỉ có quyền yêu cầu ông H trả lại số tiền theo tờ cam kết ngày 14/5/2015 tức là “*đòi lại tài sản*” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã giải thích quy định nêu trên cho đại diện nguyên đơn biết nhưng đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ông H trả lãi.

- *Xét ý kiến bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án ông H có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện và ông cũng thừa nhận chữ viết, chữ ký trong tờ cam kết ngày 14/5/2015 là của ông. Nay, ông H chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền theo tờ cam kết là 243.500.000đ. Xét thấy, ý kiến của ông H phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là căn cứ đúng pháp luật nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chung Thị L. Buộc ông Huỳnh Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Chung Thị L số tiền 243.500.000đ. Không chấp nhận yêu cầu của bà L về yêu cầu ông H trả lãi đối với số tiền 299.648.000đ.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Chung Thị L, do bà L là người trên 60 tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí, nên được Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà L theo quy định điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 93; khoản 2 Điều 184; Điều 5 và Điều 6 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166; Điều 429; khoản 2 Điều 468 và điểm b, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chung Thị L.

Buộc ông Huỳnh Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Chung Thị L số tiền 243.500.000đ (*Hai trăm bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chung Thị L về yêu cầu ông Huỳnh Văn H trả lãi đối với số tiền 299.648.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Chung Thị L.

Buộc ông Huỳnh Văn H phải có nghĩa vụ nộp 12.175.000đ (*Mười hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Gấm

